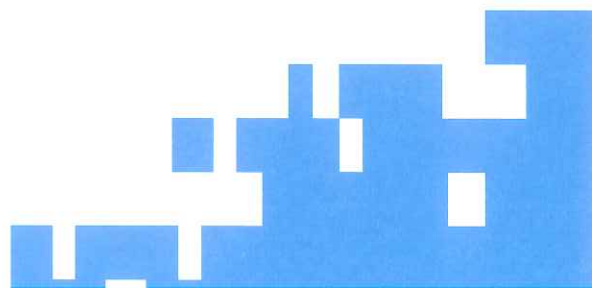


## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**MỤC LỤC**

**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 31

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Vũ Chinh	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên
Ông Hà Minh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 08 ngày 07 năm 2025)
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08 ngày 07 năm 2025)
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Cố vấn quản trị (Bổ nhiệm ngày 10 ngày 01 năm 2025)
Ông Lý Việt An	Phụ trách quản trị

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2025)
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2025)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

TP. Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2025



Số: 50/2025/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương, được lập ngày tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trịnh Thanh Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2025-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 08 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>352.340.982.053</b>	<b>351.253.217.335</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>148.486.095.328</b>	<b>152.283.296.513</b>
1. Tiền	111		68.839.963.328	44.914.402.013
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.646.132.000	107.368.894.500
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>47.820.000.000</b>	<b>46.975.500.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	47.820.000.000	46.975.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>154.159.141.475</b>	<b>148.373.885.746</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	150.555.473.037	143.573.462.125
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	5.204.308.810	4.877.693.564
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.975.282.864	5.930.162.163
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.575.923.236)	(6.007.432.106)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.875.745.250</b>	<b>3.620.535.076</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	1.851.898.538	1.890.564.903
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.11	23.846.712	1.729.970.173
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>381.981.763.051</b>	<b>383.589.626.074</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.964.650.697</b>	<b>23.547.719.734</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	20.969.701.471	22.544.612.386
Nguyên giá	222		102.842.061.106	103.498.843.160
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.872.359.635)	(80.954.230.774)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	994.949.226	1.003.107.348
Nguyên giá	228		3.524.823.186	3.524.823.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.529.873.960)	(2.521.715.838)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>740.928.990</b>	<b>740.928.990</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		740.928.990	740.928.990
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>359.210.290.000</b>	<b>359.210.290.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		310.765.050.000	310.765.050.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.445.240.000	23.445.240.000
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>65.893.364</b>	<b>90.687.350</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	65.893.364	90.687.350
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>734.322.745.104</b>	<b>734.842.843.409</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2025	Tại ngày 01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>337.041.594.581</b>	<b>344.759.100.792</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>336.365.244.581</b>	<b>344.082.750.792</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	103.870.015.668	91.825.173.319
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	4.445.128.238	3.870.777.392
3. Phải trả người lao động	314	4.12	4.000.000.000	7.498.293.361
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	17.378.498.295	10.680.444.329
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	985.776.530	1.047.662.444
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	205.685.825.850	229.160.399.947
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>676.350.000</b>	<b>676.350.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	676.350.000	676.350.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>397.281.150.523</b>	<b>390.083.742.617</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.16.1	<b>397.281.150.523</b>	<b>390.083.742.617</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.994.970.000	166.994.970.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.994.970.000	166.994.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.826.051.991	57.826.051.991
3. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.16.3	9.400.293.842	9.400.293.842
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.16.3	12.000.000.000	12.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		151.877.042.772	144.679.634.866
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		144.679.634.866	110.822.395.810
LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.197.407.906	33.857.239.056
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>734.322.745.104</b>	<b>734.842.843.409</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam


Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	500.867.152.835	460.665.778.232
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		500.867.152.835	460.665.778.232
3. Giá vốn hàng bán	11	4.19	478.642.386.552	437.187.407.415
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.224.766.283	23.478.370.817
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	3.872.885.879	6.151.650.970
6. Chi phí tài chính	22	4.21	6.364.904.310	5.696.559.622
Trong đó, chi phí lãi vay	23		6.187.887.160	5.295.702.542
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	11.091.568.344	10.681.042.699
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.641.179.508	13.252.419.466
10. Thu nhập khác	31		633.839.925	646.388.005
11. Chi phí khác	32		10.003.176	3.179.494
12. Lợi nhuận khác	40		623.836.749	643.208.511
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.265.016.257	13.895.627.977
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	2.067.608.351	2.576.894.514
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.197.407.906	11.318.733.463

  
Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc  
Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng  
Lục Thị Minh Trang  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.265.016.257	13.895.627.977
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.23	1.709.659.037	1.857.238.056
Các khoản dự phòng	03		568.491.130	(1.195.327.354)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.20	(1.641.794.585)	(1.070.218.779)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.671.993.045)	(3.143.900.335)
Chi phí lãi vay	06	4.21	6.187.887.160	5.295.702.542
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>14.417.265.954</b>	<b>15.639.122.107</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.471.448.879)	(90.130.158.719)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		16.597.665.474	(29.921.118.457)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		63.460.351	680.869.293
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.187.887.160)	(5.295.702.542)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(2.912.162.893)	(238.364.533)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>17.506.892.847</b>	<b>(109.265.352.851)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(126.590.000)	(181.818.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		433.352.694	224.889.242
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.944.824.800
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		717.965.832	1.567.007.618
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>524.728.526</b>	<b>12.554.903.478</b>

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	277.322.283.464	410.057.037.687
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(300.796.857.561)	(318.318.314.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.474.574.097)	91.738.722.790
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(5.442.952.724)	(4.971.726.583)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		152.283.296.513	86.673.459.849
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.645.751.539	1.190.589.460
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	4.1	148.486.095.328	82.892.322.726



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày      tháng 08 năm 2025



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 01 năm 2025 để thay đổi địa chỉ kinh doanh.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Cổ đông và vốn đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	41.537.040.000	24,87	41.537.040.000	24,87
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	37.171.700.000	22,26	36.369.640.000	21,78
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	16,64	27.780.000.000	16,64
Lionas Fund Company Limited	Nhật Bản	17.136.000.000	10,26	17.136.000.000	10,26
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	12.623.100.000	7,56	12.623.100.000	7,56
Bà Lê Thùy Linh	Việt Nam	9.500.000.000	5,69	9.500.000.000	5,69
Các đối tượng khác		21.247.130.000	12,72	22.049.190.000	13,20
<b>Cộng</b>		<b>166.994.970.000</b>	<b>100</b>	<b>166.994.970.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 211 (01 tháng 01 năm 2025 là: 222).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Giao nhận, vận tải.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (mã ngành: 5229). Chi tiết:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Đại lý tàu biển;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu).

*(Xem trang tiếp theo)*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên	Ngành nghề Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con:</b>					
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành	Giao nhận, tiếp vận và bốc xếp hàng hóa	Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết:</b>					
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Kinh doanh, khai thác cảng, bốc xếp hàng hóa và cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển	Bán đảo Đĩnh Vũ - khu KT Đĩnh Vũ Cát Hải, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	26,66%	26,66%	26,66%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Giao nhận, vận tải	Số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Chi nhánh Bắc Ninh	Giao nhận, vận tải	Tầng 6 tòa nhà VNPT, Số 33 Lý Thái Tổ, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận, vận tải	Tầng 5 Khu C Tòa nhà Waseco, Số 10 Phố Quang, phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2024.

*(Xem trang tiếp theo)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	97.231.553	481.553.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.742.731.775	44.432.848.845
Các khoản tương đương tiền (*)	79.646.132.000	107.368.894.500
<b>Cộng</b>	<b>148.486.095.328</b>	<b>152.283.296.513</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 1,5%/năm đến 4,3%/năm đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.15.

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn:</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	47.820.000.000	47.820.000.000	46.975.500.000	46.975.500.000
<b>Dài hạn:</b>				
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 2,9% đến 4,7%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.15.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 8,4%/năm và kỳ hạn 07 năm, được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.15.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành <sup>(a)</sup>	24.000.000.000	-	(*)	24.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cảng Mipec <sup>(b)</sup>	310.765.050.000	-	(*)	310.765.050.000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam <sup>(c)</sup>	2.260.000.000	-	(*)	2.260.000.000	-	(*)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long <sup>(d)</sup>	21.185.240.000	-	(*)	21.185.240.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>23.445.240.000</b>	<b>-</b>		<b>23.445.240.000</b>	<b>-</b>	
<b>Tổng cộng</b>	<b>358.210.290.000</b>	<b>-</b>		<b>358.210.290.000</b>	<b>-</b>	

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

- (a) Khoản đầu tư này chiếm 100% vốn góp của Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành.
- (b) Khoản đầu tư này chiếm 26,66% vốn góp của Công ty Cổ phần Cảng Mipec, tương ứng với số lượng cổ phiếu Công ty đang nắm giữ là 29.825.800 cổ phiếu. Trong đó, 10.000.000 cổ phiếu đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.15.
- (c) Khoản đầu tư này chiếm 10% vốn góp của Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam. Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- (d) Khoản đầu tư này chiếm 9,18% vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công ty TNHH SJ Logistics Việt Nam	27.120.071.563	10.458.498.317
Công ty TNHH Giao vận CPS	10.506.430.263	423.946.365
Công ty Cổ phần Hợp kim Sắt Tân An	8.483.584.830	7.219.560.159
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	5.300.180.797
Công ty TNHH ICEL Logistics	5.057.474.789	1.826.303.475
Công ty Cổ Phần Smart Hub Aviation	4.729.703.965	-
Công ty TNHH Tiếp vận KCL	3.537.125.888	3.319.688.828
Các khách hàng khác (*)	85.820.900.942	115.025.284.184
<b>Cộng</b>	<b>150.555.473.037</b>	<b>143.573.462.125</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.27	304.846.274	1.826.719.967
Trả trước cho người bán:		
Chi nhánh Công ty TNHH COSCO Shipping Lines (Việt Nam) tại Hải Phòng	207.839.003	-
Công ty TNHH Vạn Hai Việt Nam	237.692.263	-
Các nhà cung cấp khác (*)	4.453.931.270	3.050.973.597
<b>Cộng</b>	<b>5.204.308.810</b>	<b>4.877.693.564</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, trả trước các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản trả trước dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ cho bên liên quan – Xem thêm Mục 4.27	12.000.000	-	-	-
Ký quỹ cho các đối tượng khác	1.743.745.000	-	2.209.745.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.709.733.928	-	1.879.947.328	-
Phải thu khác (*)	1.509.803.936	-	1.840.469.835	-
<b>Cộng</b>	<b>4.975.282.864</b>	<b>-</b>	<b>5.930.162.163</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải thu khác có số dư mỗi khoản phải thu dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn khác.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2025				Tại ngày 01/01/2025			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	-	Trên 3 năm		5.300.180.797	-	Trên 3 năm	
Các khách hàng khác	3.910.211.197	2.634.468.758	Từ 6 tháng đến trên 3 năm		1.963.722.952	1.256.471.643	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
Cộng	9.210.391.994	2.634.468.758			7.263.903.749	1.256.471.643		

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư tại 01/01	6.007.432.106	6.640.222.229
Trích lập trong kỳ	1.094.136.416	258.398.041
Hoàn nhập trong kỳ	(525.645.286)	(95.283.068)
Số dư tại 30/06	6.575.923.236	6.803.337.202



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá:

Tại ngày 01/01/2025	53.028.328.868	10.581.237.165	38.555.981.901	477.825.226	855.470.000	103.498.843.160
Mua trong kỳ	126.590.000	-	-	-	-	126.590.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(783.372.054)	-	-	-	(783.372.054)
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>53.154.918.868</b>	<b>9.797.865.111</b>	<b>38.555.981.901</b>	<b>477.825.226</b>	<b>855.470.000</b>	<b>102.842.061.106</b>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2025	31.446.705.112	9.835.531.375	38.356.379.593	460.144.694	855.470.000	80.954.230.774
Khấu hao trong kỳ	1.377.300.956	270.276.936	48.339.687	5.583.336	-	1.701.500.915
Thanh lý, nhượng bán	-	(783.372.054)	-	-	-	(783.372.054)
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>32.824.006.068</b>	<b>9.322.436.257</b>	<b>38.404.719.280</b>	<b>465.728.030</b>	<b>855.470.000</b>	<b>81.872.359.635</b>

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2025	21.581.623.756	745.705.790	199.602.308	17.680.532	-	22.544.612.386
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>20.330.912.800</b>	<b>475.428.854</b>	<b>151.262.621</b>	<b>12.097.196</b>	<b>-</b>	<b>20.969.701.471</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 52.126.170.888 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2025	2.642.410.677	882.412.509	3.524.823.186
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b><u>2.642.410.677</u></b>	<b><u>882.412.509</u></b>	<b><u>3.524.823.186</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2025	1.639.303.329	882.412.509	2.521.715.838
Khấu hao trong năm	8.158.122	-	8.158.122
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b><u>1.647.461.451</u></b>	<b><u>882.412.509</u></b>	<b><u>2.529.873.960</u></b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2025	1.003.107.348	-	1.003.107.348
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b><u>994.949.226</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>994.949.226</u></b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình là 615.889.008 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.15.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.313.963.578 VND.

**4.9. Chi phí trả trước**

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa nền bãi	1.315.943.765	1.780.394.501
Phí bảo hiểm	152.319.696	14.907.902
Khác	383.635.077	95.262.500
<b>Cộng</b>	<b><u>1.851.898.538</u></b>	<b><u>1.890.564.903</u></b>
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	65.893.364	90.687.350

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.27	13.427.620.563	13.427.620.563	3.643.808.478	3.643.808.478
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Company Limited	47.646.630.719	47.646.630.719	52.140.148.013	52.140.148.013
Văn phòng bán vé hãng hàng không Korean Air tại Hà Nội	5.726.125.870	5.726.125.870	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Safaco	915.682.400	915.682.400	1.689.789.600	1.689.789.600
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	36.153.956.116	36.153.956.116	34.351.427.228	34.351.427.228
<b>Cộng</b>	<b>103.870.015.668</b>	<b>103.870.015.668</b>	<b>91.825.173.319</b>	<b>91.825.173.319</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2025		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2025	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.878.014.290	1.078.162.277	2.487.376.043	-	468.800.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.067.608.351	2.912.162.893	2.067.608.351	-	2.912.162.893
Thuế thu nhập cá nhân	23.846.712	499.505.597	3.789.747.193	3.775.592.103	-	489.813.975
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	8.019.180	8.019.180	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	1.735.970.173	1.729.970.173	-
<b>Cộng</b>	<b>23.846.712</b>	<b>4.445.128.238</b>	<b>7.794.091.543</b>	<b>10.074.565.850</b>	<b>1.729.970.173</b>	<b>3.870.777.392</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên tại ngày 30/06/2025.

**4.13. Chi phí phải trả**

Là chi phí trích trước cước vận chuyển và phí làm chứng từ tại ngày 30/06/2025.

**4.14. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	890.368.009	910.903.944
Các khoản phải trả, phải nộp khác	95.408.521	136.758.500
<b>Cộng</b>	<b>985.776.530</b>	<b>1.047.662.444</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	676.350.000	676.350.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Vay ngắn hạn

Tại ngày 30/06/2025 VND			Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2025 VND		
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	205.685.825.850	205.685.825.850	277.322.283.464	300.796.857.561	229.160.399.947	229.160.399.947	
Các khoản vay được chi tiết như sau:							
Ngân hàng	Loại tiền	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tại ngày 30/06/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thanh Xuân <sup>(a)</sup>	VND	200.000.000.000	03 - 06 tháng	4,6% đến 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	110.416.941.175	113.955.343.201
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Nam Thăng Long <sup>(b)</sup>	VND	70.000.000.000	05 tháng	5,8%/năm	Bổ sung vốn lưu động	46.122.889.260	37.892.467.425
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Hà Nội <sup>(c)</sup>	VND	28.900.000.000	03 tháng	5,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	22.575.633.812	27.751.041.697
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nam Hà Nội <sup>(d)</sup>	VND	30.000.000.000	06 tháng	4,9% đến 6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	26.570.361.603	12.895.840.268
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – CN Hải Phòng <sup>(e)</sup>	VND	23.000.000.000	03 tháng	4,5% đến 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	-	20.299.073.634
Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(f)</sup>	VND	50.000.000.000	06 tháng	6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	-	16.366.633.722
<b>Cộng</b>						<b>205.685.825.850</b>	<b>229.160.399.947</b>

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.1 và Mục 4.2 và các tài sản khác, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 802222564996, 802222565014, 802222565005, 802222565032, 802222481855, kỳ hạn từ 01 đến 06 tháng với tổng giá trị là 22.300.000.000 VND;
- Các tài khoản tiền gửi số 802220000386, 802220000359, 802220000377, 802220000368, 814004107739, 819004409396, 818004590885, 817004691100, 815004781494, 813005009766, 811008005536, 818010823312, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 1.189.300 USD;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2025 là 615.889.008 VND – Xem thêm Mục 4.8;
- Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty đối với các tài sản là 10.000.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty Cổ phần Cảng Mipec do Công ty nắm giữ, và toàn bộ các quyền lợi phát sinh từ số lượng cổ phiếu này theo hợp đồng thế chấp tài sản số 05/2025/7770185/HĐBĐ ngày 24/06/2025 – Xem thêm Mục 4.2;
- Quyền hưởng các khoản lợi, lợi tức, lợi ích thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của Quyền sử dụng đất, quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số 227/HĐTĐ-STNMT-CCQLĐ ký ngày 08/05/2018 giữa Công ty và UBND Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp tài sản số 06/2025/7770185/HĐBĐ ngày 24/06/2025.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 216000233934, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 500.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 213000404778, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 67.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 219000364277, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 1500633006291, 1500633006358, 1500663017747, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 12.050.000.000 VND;
- Trái phiếu VBA121033, kỳ hạn 07 năm với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 001044565514, 001046990493, 001058334136, kỳ hạn từ 01 đến 12 tháng với tổng giá trị 10.500.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 001049850161, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 21.500 USD.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi số 703003958743, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 13.000.000.000 VND.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi số 001171725886, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 2.000.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Vốn chủ sở hữu

4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2024	166.994.970.000	57.826.051.991	(817.208.082)	121.138.129.583	345.141.943.492
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	11.318.733.463	11.318.733.463
Tại ngày 30/06/2024	166.994.970.000	57.826.051.991	(817.208.082)	143.541.423.115	367.545.237.024
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	22.538.505.593	22.538.505.593
Tại ngày 01/01/2025	166.994.970.000	57.826.051.991	(817.208.082)	166.079.928.708	390.083.742.617
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	7.197.407.906	7.197.407.906
Tại ngày 30/06/2025	166.994.970.000	57.826.051.991	(817.208.082)	173.277.336.614	397.281.150.523

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.16.2. Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	16.699.497	16.699.497
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.699.497	16.699.497
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.644.097	16.644.097

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.16.3. Các quỹ của doanh nghiệp**

	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>
Tại ngày 01/01/2025	9.400.293.842	12.000.000.000
Trích trong năm	-	-
Chi trong năm	-	-
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>9.400.293.842</b>	<b>12.000.000.000</b>

**4.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025</b>
<u>Ngoại tệ các loại:</u>		
USD	3.613.070,20	3.418.271,01
EUR	685,19	684,21
SGD	680,86	680,86

**4.18. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Cước vận chuyển hàng không	320.584.304.067	237.607.919.021
Cước vận chuyển đường biển	145.676.854.028	175.184.525.259
Doanh thu dịch vụ khác	34.605.994.740	47.873.333.952
<b>Cộng</b>	<b>500.867.152.835</b>	<b>460.665.778.232</b>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.27	67.484.455.431	60.416.887.589

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.19. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	20.850.394.633	21.114.105.194
Chi phí công cụ, dụng cụ	48.433.649	69.470.196
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.560.806.896	1.553.935.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.200.493.218	407.002.603.906
Chi phí bằng tiền khác	5.982.258.156	7.447.292.148
<b>Cộng</b>	<b>478.642.386.552</b>	<b>437.187.407.415</b>

**4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.238.640.351	2.425.107.717
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	992.450.943	2.125.507.474
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.641.794.585	1.070.218.779
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	530.817.000
<b>Cộng</b>	<b>3.872.885.879</b>	<b>6.151.650.970</b>

**4.21. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	6.187.887.160	5.295.702.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá	177.017.150	1.759.299.407
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	-	(1.358.442.327)
<b>Cộng</b>	<b>6.364.904.310</b>	<b>5.696.559.622</b>

**4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	6.332.622.002	5.604.403.501
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.415.792	32.233.066
Chi phí khấu hao TSCĐ	148.852.141	303.302.085
Thuế, phí và lệ phí	15.019.180	544.855.115
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	568.491.130	163.114.973
Chi phí khác	3.998.168.099	4.033.133.959
<b>Cộng</b>	<b>11.091.568.344</b>	<b>10.681.042.699</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	27.183.016.635	26.718.508.695
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.709.659.037	1.857.238.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.292.361.839	407.649.162.283
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	568.491.130	163.114.973
Chi phí khác	9.980.426.255	11.480.426.107
<b>Cộng</b>	<b>489.733.954.896</b>	<b>447.868.450.114</b>

**4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	9.265.016.257	13.895.627.976
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.073.025.500	643.624.654
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.654.780.060)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	10.338.041.757	12.884.472.570
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.067.608.351</b>	<b>2.576.894.514</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

**4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	277.322.283.464	410.057.037.687

**4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(300.796.857.561)	(318.318.314.897)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.27. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Vinafreight	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Công ty Cổ phần Transimex	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
4. Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Công ty liên kết
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<b>Tại ngày 30/06/2025 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2025 VND</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành	304.846.274	1.826.719.967
Ký quỹ - Xem thêm Mục 4.5:		
Công ty Cổ phần Vinafreight	12.000.000	-
Phải trả thương mại - Xem thêm Mục 4.10:		
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành	13.427.620.563	3.643.808.478
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành	67.326.914.264	60.340.330.647
Công ty Cổ phần Transimex	157.541.167	76.556.942
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.18</b>	<b>67.484.455.431</b>	<b>60.416.887.589</b>
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	98.787.545.251	58.145.131.391
Công ty Cổ phần Vinafreight	607.028.400	88.956.792
Công ty Cổ phần Transimex	124.418.647	129.403.394
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	840.000	49.373.000
<b>Cộng</b>	<b>99.519.832.298</b>	<b>58.412.864.577</b>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND		Kỳ trước VND	
		Thù lao	Thu nhập	Thù lao	Thu nhập
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	170.000.000	458.166.000	133.333.333	458.166.000
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	94.444.444	458.166.000	61.111.111	458.166.000
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	-	307.740.000	-	307.740.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	-	307.740.000	-	307.740.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	94.444.444	-	61.111.111	-
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	94.444.444	-	61.111.111	-
Ông Vũ Chinh	Thành viên	94.444.444	-	61.111.111	-
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên	94.444.444	-	-	-
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Cố vấn quản trị (Bổ nhiệm ngày 10 ngày 01 năm 2025)	36.666.667	-	-	-
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 08 ngày 07 năm 2025)	88.888.889	-	61.111.111	-
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban kiểm soát	55.555.555	-	22.222.222	-
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên ban kiểm soát	36.666.667	-	16.666.667	-
Ông Lê Hồng Quang	Thành viên ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2025)	10.000.000	-	-	-
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2025)	16.666.667	-	16.666.667	-
Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	-	266.760.000	-	277.020.000
Cộng		886.666.664	1.798.572.000	494.444.444	1.808.832.000
			2.685.238.664		2.303.276.444



#### 4.28. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.



**Trần Công Thành**  
**Tổng Giám đốc**

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
**Kế toán trưởng**

**Lục Thị Minh Trang**  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025